



xiàng zhe

向着

preposition · towards

Example Sentence

tā zhàn zài shān dǐng xiàng zhe yuǎn fāng jìn qíng dì nà hǎn
他站在山顶，向着远方尽情地呐喊。

He stood on the mountaintop, shouting
heartily towards the distance.

Trace each character, then write the word on your own.

向	向	向	向	向	向	向	向	向		
着	着	着	着	着	着	着	着	着	着	着
着	着	着								